TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DL** **TỈNH LD**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Cường Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hinh.

2. Ông K'Đào.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Cán bộ Toà án nhân dân huyện DL.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện DL***: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện DL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXX-DS ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện DL, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Xuân T; sinh năm 1960.**
Địa chỉ: Số AA thôn 4, xã Đinh Trang Hòa, huyện DL, tỉnh LD.

- Bị đơn: **Vợ chồng ông Võ Vương V; sinh năm 1977 và bà V Thị AA; sinh năm 1984.**
Địa chỉ: Số DD thôn 5B xã Đinh Trang Hòa, huyện DL, tỉnh LD.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông T, trình bày: Từ trước năm 2017, ông có nhiều lần bán phân bón và cho vợ chồng ông Võ Vương V và bà V Thị AA vay tiền, số tiền cho vay và tiền nợ do mua bán cụ thể thì không nhớ, không tách ra được. Đến ngày 31/3/2017, các bên

cùng đối chiếu chốt lại số tiền nợ, vợ chồng bà AA ông V có ký xác nhận còn nợ cả tiền vay và tiền nợ do mua bán là 659.270.000đ, thỏa thuận lãi suất 1,8%/tháng, hẹn đến tháng 12/2017 sẽ trả hết. Theo nội dung giấy nhận nợ này, có ghi vợ chồng ông V bà AA có thế chấp cho ông T 1,5ha cà phê ở Sa Võ, tuy nhiên trong thực tế thì không có việc thế chấp mảnh đất nào cả. Ngoài ra vào ngày 06/02/2018 vợ chồng ông V bà AA có nhờ ông T giữ hộ 1.220Kg cà phê nhân Robusta 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất. Ông T đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng bà AA ông V không thanh toàn, nay khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V và AA trả 659.270.000đ nợ gốc và tiền lãi theo mức 1,666%/tháng, thời gian tính lãi từ 31/3/2017 đến ngày 23/12/2022 là 72 tháng, thành tiền là 790.807.000đ. Tổng gốc và lại làm tròn là 1.450.000.000đ (một tỷ bốm trăm năm mươi triệu đồng). Ông đồng ý trả lại cho vợ chồng ông V bà AA 1.220Kg cà phê nhân Robusta 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy viết tay ghi ngày 31/3/2017.

Vợ chồng ông V bà AA trình bày: Từ trước năm 2013, vợ chồng ông có mua phân bón và vay tiền của ông T, vợ chồng đã bán đất, trả được một phần nợ. Sau năm 2013 gia đình ông vẫn tiếp tục mua phân bón và vay tiền của ông T. Đến khoản tháng 12/2017, hai bên có đối chiếu chốt lại số tiền nợ thành tổng chung là 659.270.000đ. Sau khi chốt lại số tiền nợ này thì gia đình ông bà không còn mua bán vay mượn gì của ông T. Do làm ăn khó khăn, dịch bệnh Covid ông bà chưa trả được tiền cho ông T. Nay đồng ý trả lại 659.270.000đ tiền nợ gốc, tiền lãi ông bà xin không thanh toán.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:

Nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Do Vợ chồng ông V bà AA không đến tòa làm việc nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải. Tòa án đã tiến hành buổi tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa:

Ông T trình bày việc mua bán và số tiền đã mua bán, cho vay với vợ chồng ông V bà AA là số tiền riêng của ông không liên quan đến vợ và Cty TNHH Đại Tây Dương, do đó nếu có việc trả tiền thì vợ chồng ông V bà AA sẽ phải trả tiền cho cá nhân ông. Khi mua bán, cho vay ông T không cầm cố thế chấp tài sản hay giấy tờ có giá nào khác của vợ chồng ông V bà AA. Các vấn đề khác, ông giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ông T xác định toàn bộ số tiền 659.270.000đ ghi trong giấy nhận nợ là tiền gốc, không có tiền lãi.

Ông V Thay mặt vợ chồng trình bày. Đồng ý trả nợ gốc, do hoàn cảnh gia đình khó khăn và trong số tiền 659.270.000đ đã có 67.631.000đ tiền lãi, nên số tiền lãi thì vợ chồng xin không thanh toán. Từ khi nhận được thông báo thụ lý thì ông bà không có đơn đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu gì. Tại phiên tòa ông bà có nộp cho Tòa 02 (hai) tài liệu bản chính, nội dung ghi nhận việc mua bán, vay tiền từ

trước năm 2017. Lý do đến hôm nay ông bà mới nộp cho Tòa là vì ông bà bận công việc thu hái cà phê nên không đến tòa được.

Đại diện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm xử lý:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 430, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện DL, tỉnh LD nên Tòa án nhân dân huyện DL có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp : Xét nội dung và hình thức của giấy viết tay ghi ngày 31/3/2017, thấy rằng nội dung thể hiện vợ chồng ông V bà AA có vay của ông T 659.270.000đ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, các bên đều thừa nhận đây là số tiền nợ phát sinh do mua bán và vay mượn từ trước 31/3/2017 được cộng thành tổng chung, không thể tách ra được hai khoản khác nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, nội dung vay mượn và mua bán của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Tài liệu chứng cứ này đã được Tòa án công khai, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho bị đơn biết, ông bà không có ý kiến gì. Căn cứ Điều 92, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 430, 440, 463 và 466 của bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định, vợ chồng ông V bà AA còn nợ của ông T 659.270.000đ nợ gốc do vay mượn và mua bán chưa thanh toán là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu tính tiền lãi. Xét thấy yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả của ông T là phù hợp với Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi yêu cầu được chấp nhận là 659.270.000đ x 1,666%/tháng, thời gian tính lãi từ 31/3/2017 đến ngày 23/12/2022 là 72 tháng, thành tiền là 790.807.000đ (đã làm tròn).

[4] Như vậy cả gốc và lãi ông T yêu cầu vợ chồng ông V bà AA trả được Tòa án chấp nhận là 1.450.000.000đ (một tỷ bốm trăm năm mươi triệu đồng).

[5] Xét đề nghị của ông T về việc hoàn trả lại cho vợ chồng ông V bà AA 1.220Kg cà phê nhân Robusta 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất mà ông T đã giữ hộ vào ngày 06/02/2018. Thấy rằng, cho đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không có yêu cầu đòi lại số cà phê này. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông T về việc trả lại cho vợ chồng ông V bà AA 1.220Kg cà phê nhân Robusta 15% độ ẩm; 1,5% tạp chất. Khi ông V bà AA có yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Vợ chồng ông V bà AA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho ông T là phù hợp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Khi mua bán và cho vay tiền, ông T không cầm cố thế chấp tài sản hay giấy tờ có giá nào khác của vợ chồng ông V bà AA. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến việc giao trả giữa các đương sự.

[8.2] Tại phiên tòa, ông V Bà AA mới giao nộp 02 tài liệu chứng cứ ghi nhận việc mua bán. Căn cứ khoản 4 Điều 96 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử nhận thấy, đây không phải là tài liệu chứng cứ mà ông V bà AA không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án, lý do ông bà không giao nộp các tài liệu này trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử không phải là lý do chính đáng, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận quay lại thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà tiếp tục giải quyết tranh chấp theo thủ tục chung là đúng quy định.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227, Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 430, 440, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T. Vợ chồng ông Võ Vương V, bà V Thị AA có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền

nợ gốc do mua bán phân bón và tiền vay mượn chưa thanh toán 659.270.000đ (sáu trăm năm mươi chín triệu hai trăm bảy chục nghìn đồng) và số tiền lãi 790.807.000đ (bảy trăm chín mươi triệu tám trăm lẽ bảy nghìn đồng). Tổng chung số tiền gốc và lãi phải trả là 1.450.077.000đ (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Vợ chồng ông Võ Vương V, bà V Thị AA phải chịu 55.502.000 (năm mươi lăm triệu năm trăm lẽ hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập đến việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo. Ông Nguyễn Xuân T, vợ ông Võ Vương V bà V Thị AA có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LD;
- VKSND huyện DL;
- Chi cục THADS huyện DL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Cường Huy